

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

CẬP NHẬT CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ SÙI MÀO GÀ

TS.BS Châu Văn Trở - Phó Chủ Nhiệm Bộ môn Da liễu

RESEARCH ARTICLE

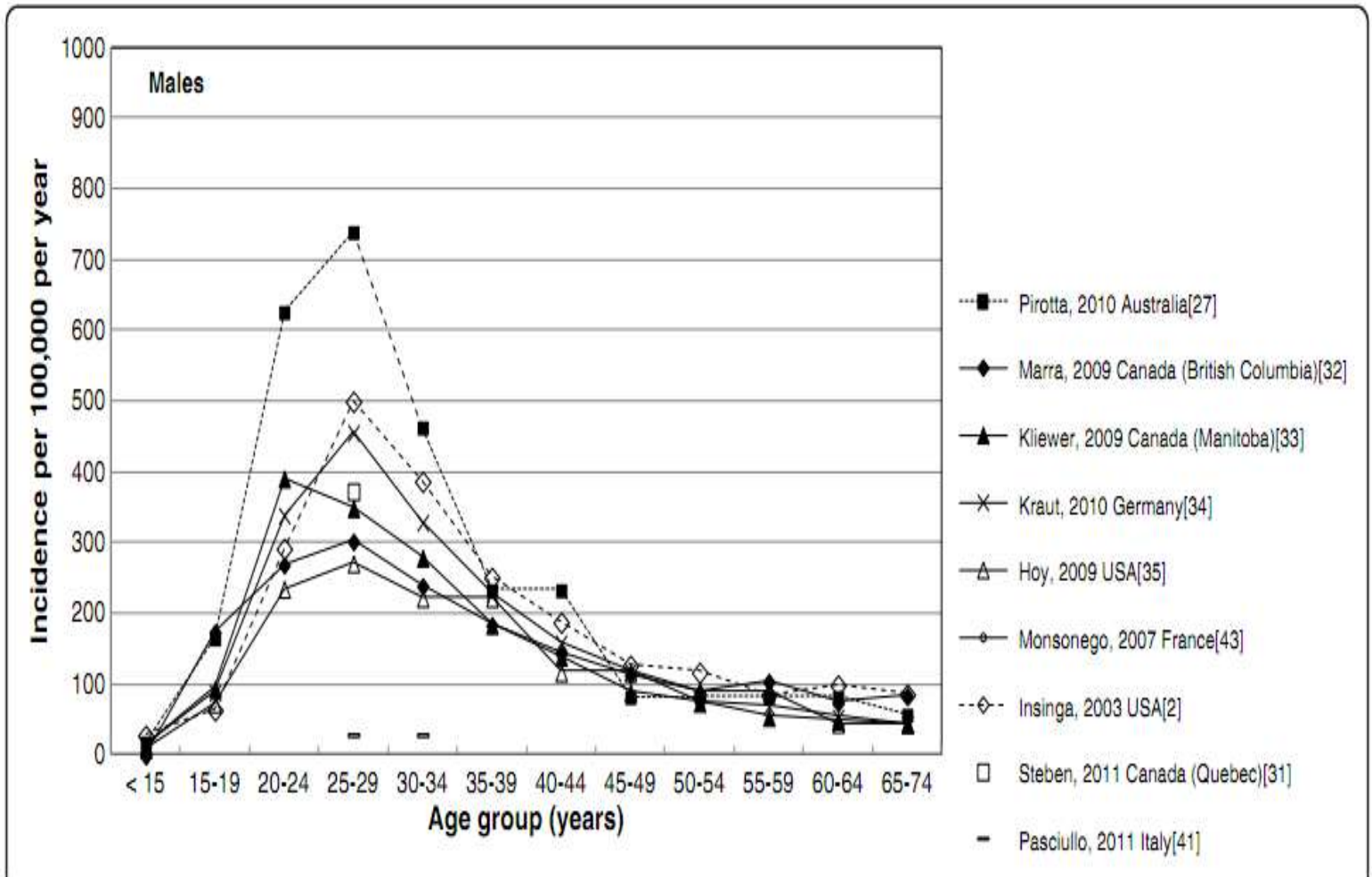
Open Access

Systematic review of the incidence and prevalence of genital warts

Harshila Patel^{1*}, Monika Wagner¹, Puneet Singhal² and Smita Kothari²

❖ Tỷ lệ hiện mắc (Prevalence)

- Canada: 0,15%
- Tây Ban Nha: 0,18%
- Mexico: 3,2% (Nữ)
- Hungary: 4,03% (Nữ)
- Peru: 2,4% (Nữ)
- Mỹ: 4,1% (Nam)
- Việt Nam: 0,2% (Nữ)



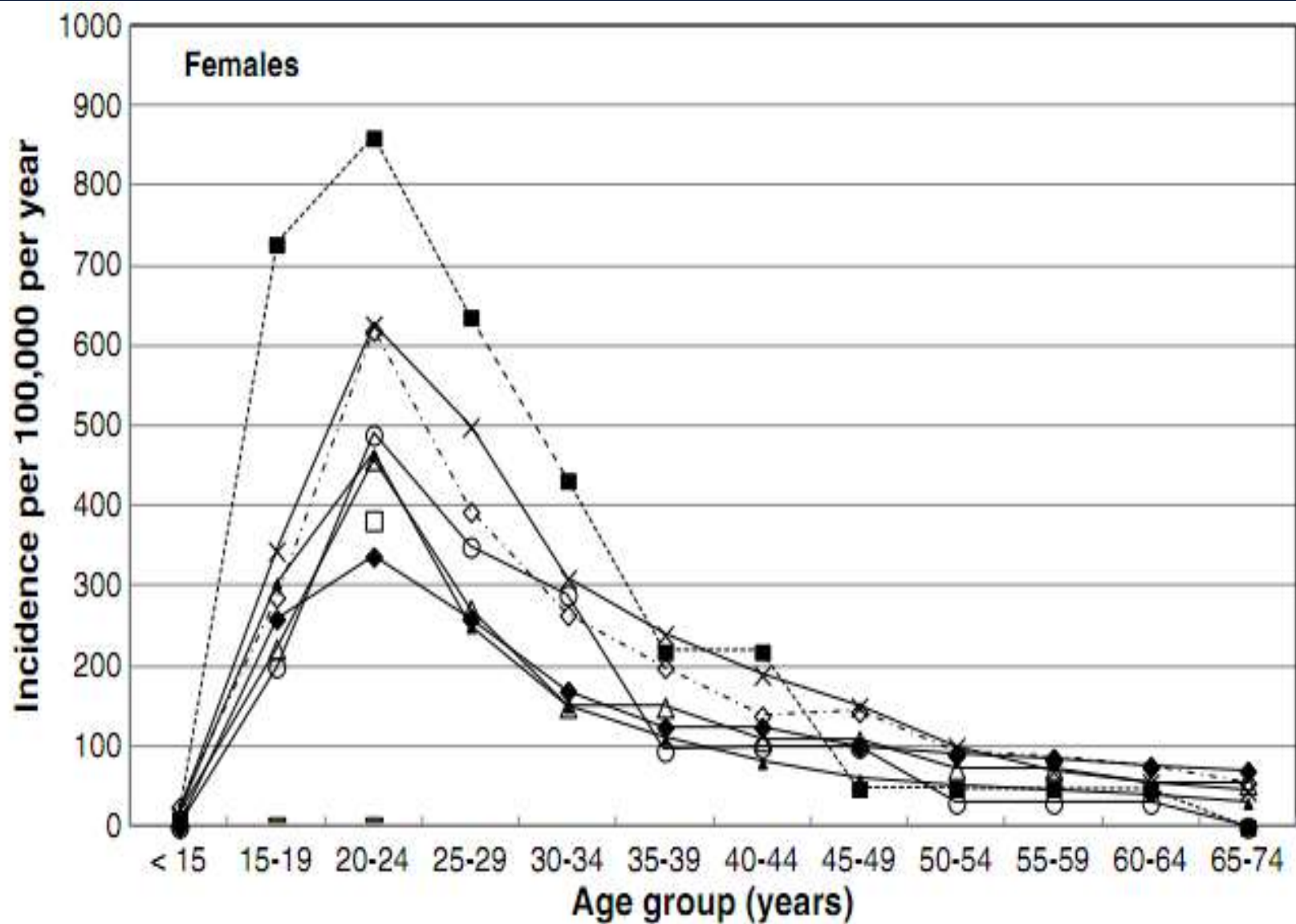
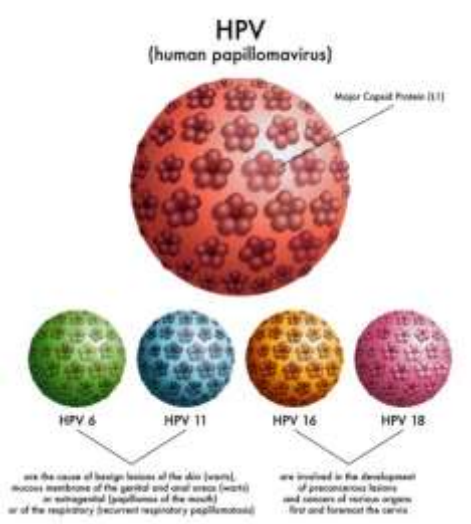


Figure 2 Age-specific incidence of anogenital warts in males and females.

Theo CDC 2015:

- Đây là bệnh thường gặp nhất / STI
- Giới: Tỷ lệ bệnh nam > nữ (tuy nhiên tỷ lệ nhiễm HPV nữ > nam)
- Tuổi thường gặp nhất: 20 – 24
- 50 % người hoạt động tình dục có nguy cơ nhiễm HPV, 1 – 2 % có triệu chứng lâm sàng.

NGUYÊN NHÂN



>150 HPV types

Mucosal
(tend to infect cells of the
moist surface layers that
line organs and cavities of
the body)

Cutaneous
(infect the skin and can
cause warts there)

"high-risk" types
(including types 16 & 18)

"low-risk" types
(including types 6 & 11)

"Common" warts
(hands & feet)

- ✓ High grade abnormalities/
pre-cancers in mucosal cells
- ✓ Various cancers

- ✓ Respiratory & laryngeal papillomas
- ✓ Low grade abnormalities of
mucosal cells
- ✓ Genital warts (these rarely
become cancer)

Low-risk (LR)	High-risk (HR)	Non-classified (NC)
6, 11, 42, 43, 44/55	16, 18, 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58, 59, 66, 68	2a, 3, 7, 13, 26, 27, 28, 29, 30, 34, 40, 53, 54, 57, 61, 67, 70, 72, 73, 74, 81, 82, 83, 84, 87, 89, 90, 91

Disease	HPV Type
Plantar warts	1, 2, 4
Common warts	1, 2, 4, 26, 27, 29, 41, 57
Flat warts	3, 10, 27, 28, 41, 49
<u>Genital warts</u>	6, 11, 30, 40-45, 51, 54
Cervical cancer	16, 18, 31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58
Precancerous changes	16, 18, 34, 39, 42, 55
Laryngeal papillomas	6, 11, 30

NGUYỄN NHÂN

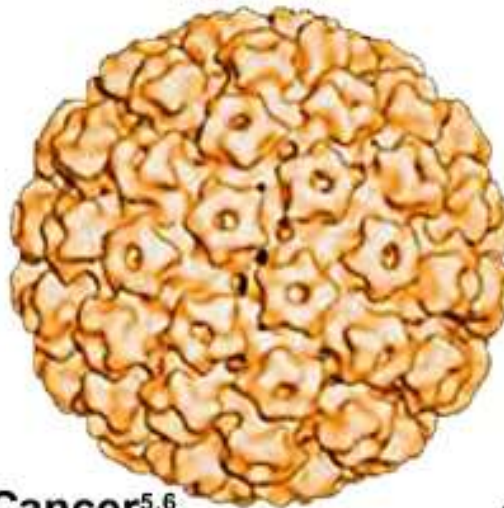
Human Papillomavirus (HPV)

HPV is a necessary cause of cervical cancer – 99.7%⁴

Cancer causing Types
High risk group-16,18,
31,33,45,52,58



HPV



Non-cancer causing types
Low risk group- 6,11.



• **>75% of Cervical Cancer^{5,6}**

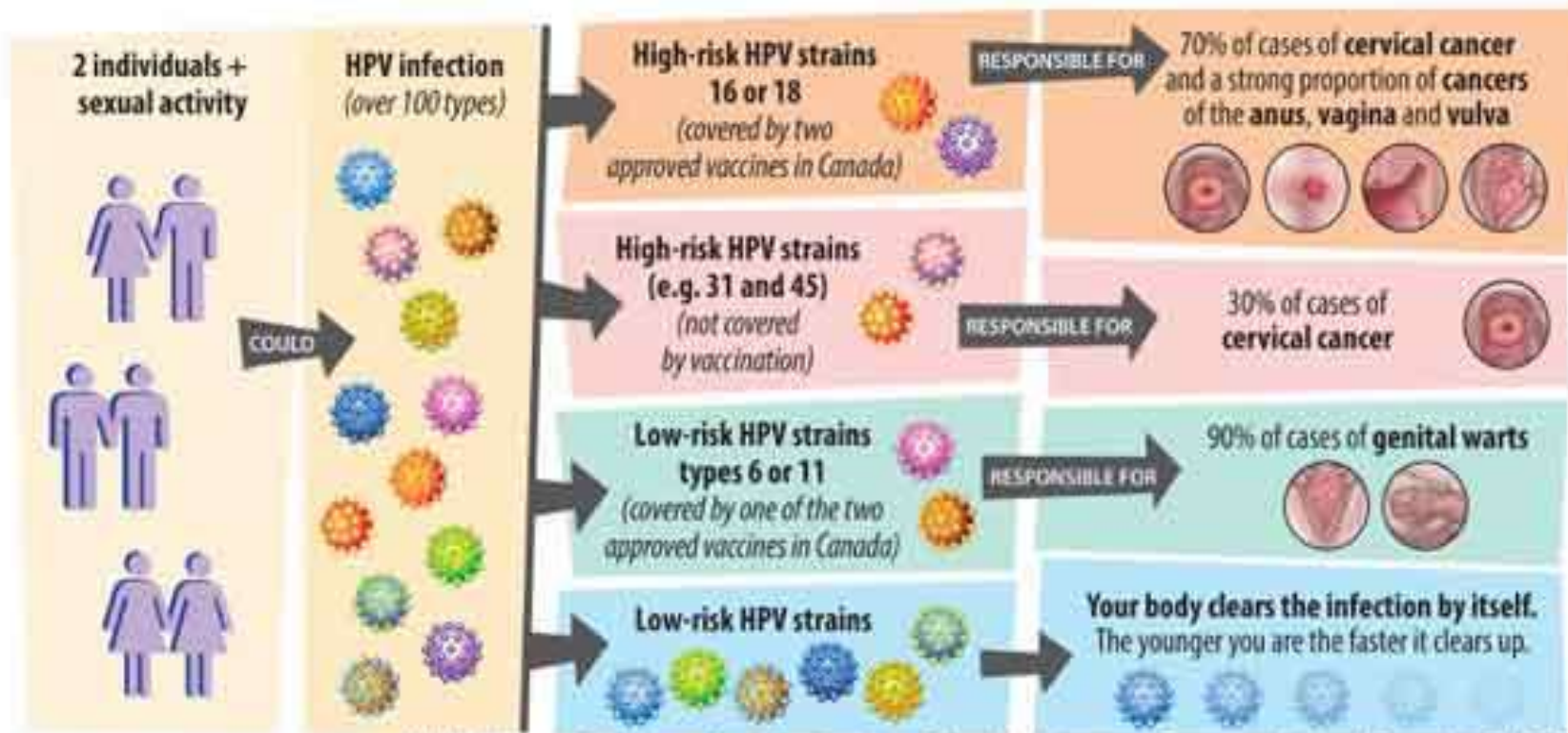
• **>50% of Vaginal & Vulvar Cancer⁵**

90% of Anogenital warts⁵

Need for multivalent HPV vaccine for broader HPV protection

1. Schiffman M, Castle PE. *Arch Pathol Lab Med.* 2003;127:930-934. 2. Wiley DJ, Douglas J, Beutner K, et al. *Clin Infect Dis.* 2002;35(suppl 2):S210-S224. 3. Muñoz N, Bosch FX, Castellsagüé X, et al. *Int J Cancer.* 2004;111:278-285. Reprinted from *J Virol.* 1994;68:4503-4505 with permission from the American Society for Microbiology Journals Department. 4. Walboomers JM, Jacobs MV, Manos MM, et al. *J Pathol.* 1999;189:12-19. 5. X. Castellsagüé, S. de Sanjose, T. Agudo, K. S. Loid, L. Bruni, J. Muñoz, M. Diaz, K. Irwin, M. Gacic, O. Beuvais, G. Albero, E. Ferrer, S. Byrnes, F. X. Bosch. HPV and Cervical Cancer in the World. 2007 Report. WHO/ICO Information Centre on HPV and Cervical Cancer (HPV Information Centre). Available at: www.who.int/hpvcentre. Shafiq N et al. *Vaccine* (2008);26: 2811-17

How do you get HPV?



HPVinfo.ca administered by: The Society of Obstetricians and Gynaecologists of Canada (SOGC)

TIÊM PHÒNG HPV



PHÒNG NGỪA

❖ Có 2 loại thuốc ngừa ung thư CTC:

❖ **Nhị giá (CERVARIX):** ngừa được HPV 16, 18.

- Tuổi ngừa: 10 – 25 tuổi.
- Nhịp độ: 3 mũi trong 06 tháng (0, 1, 6)
- Giá tiền: # 900.000 đồng.

❖ **Tứ giá (GARDASIL):** ngừa được HPV 6, 11, 16, 18.

- Tuổi ngừa: 09 – 26 tuổi.
- Nhịp độ: 3 mũi trong 06 tháng (0, 2, 6)
- Giá tiền: # 1.300.000 đồng.
- HPV 6, 11 là 2 type HPV gây bệnh lý hoa liễu nhiều nhất ở người.



CITY INTERNATIONAL HOSPITAL

Managed by  Protonet Health
460/144 KINH DIỆU CITY, HCMC

KHUYẾN CÁO

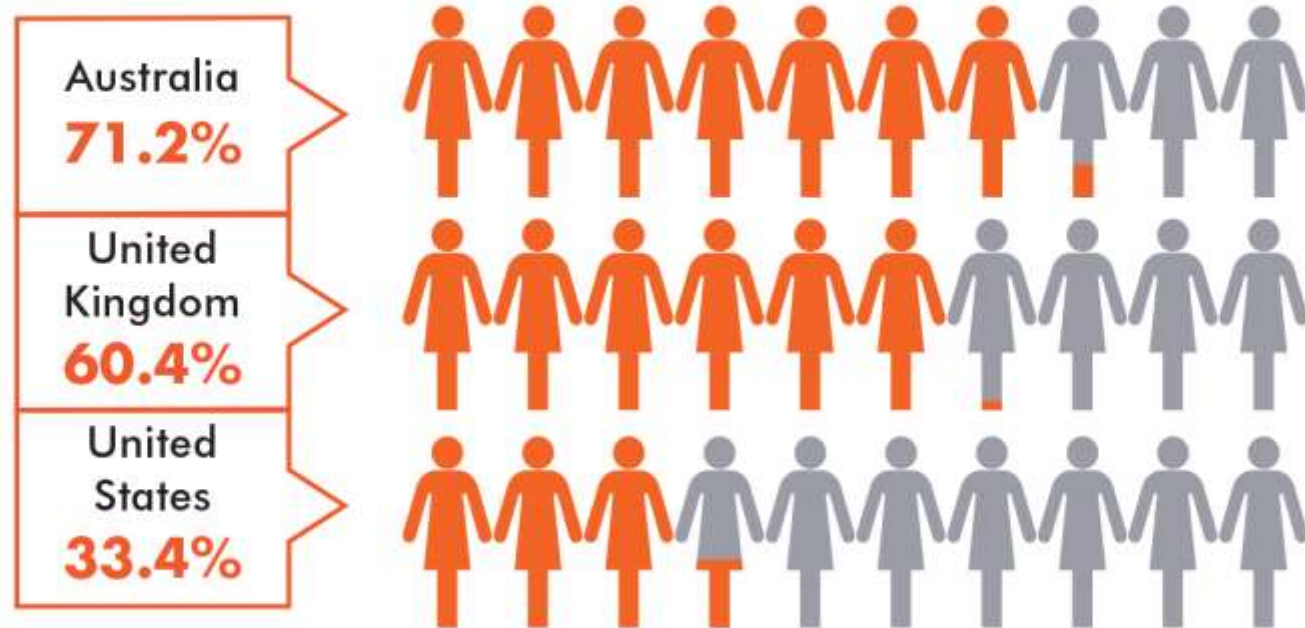
- **CervarixTM**: Được chỉ định dùng cho nữ giới từ 10 tuổi trở lên đến 25 tuổi
- **GARDASIL**: Được khuyến cáo dùng cho trẻ em và vị thành niên trong độ tuổi 9-17 và phụ nữ trong độ tuổi 18-26.

HIỆU QUẢ

Theo Hiệp hội sản phụ khoa Mỹ, HPV có thể được ngăn ngừa thông qua tiêm vắc xin phòng bệnh:

- Nhị giá: Ngừa 98,1% HPV 16, 18
- Tứ giá: Ngừa 100% bệnh liên quan HPV 6, 11, 16, 18 và ngăn 90,4% bệnh sinh dục ngoài ở nam giới.

Figure. HPV vaccine 3-dose coverage among girls in high-income countries²



Source: CDC. Human Papillomavirus (HPV). For Clinicians. HPV: You Are the Key to Cancer Prevention. Page last updated September 30, 2015. cdc.gov/hpv/hcp/index.html

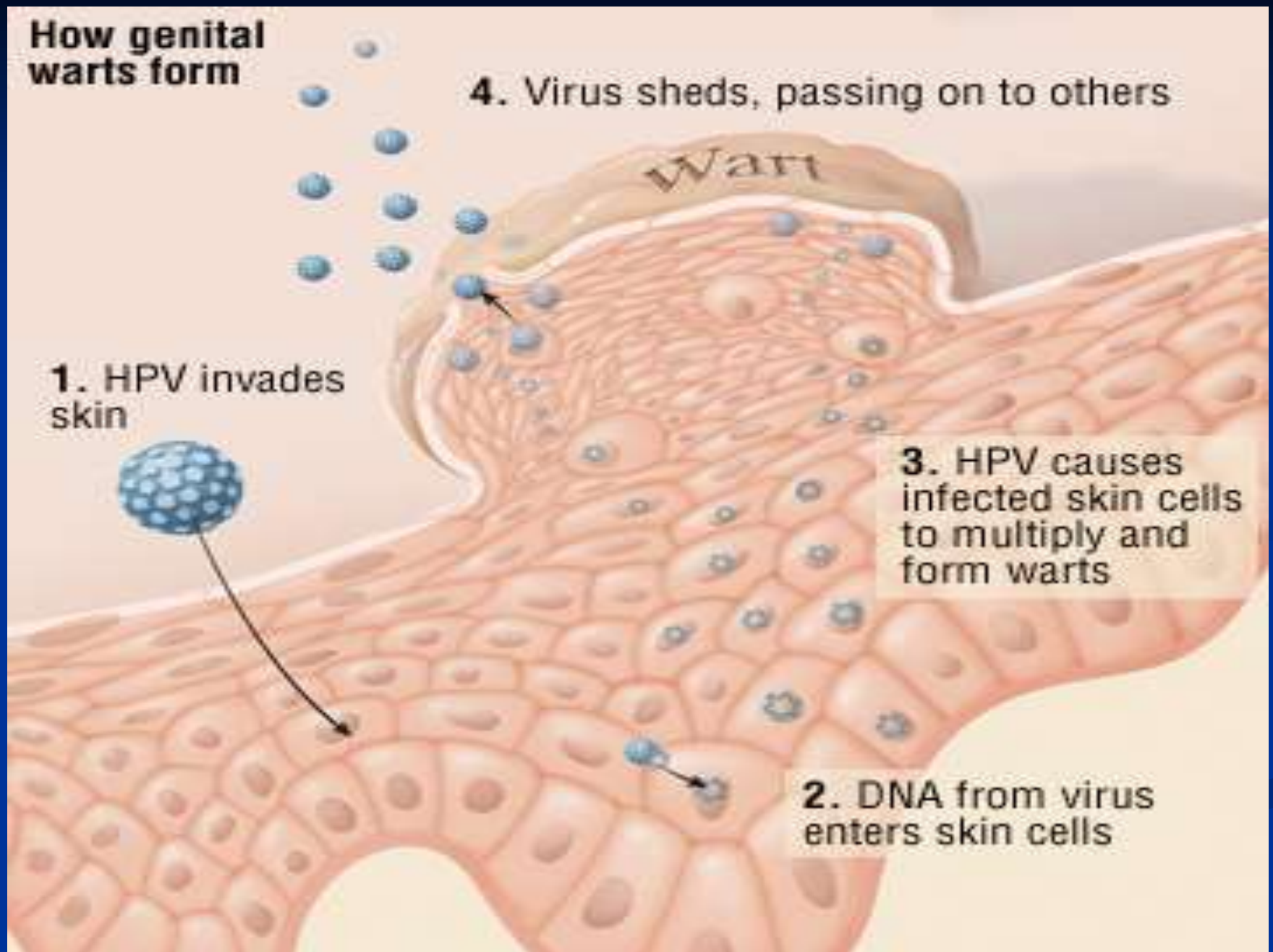
How genital warts form

4. Virus sheds, passing on to others

1. HPV invades skin

3. HPV causes infected skin cells to multiply and form warts

2. DNA from virus enters skin cells



LÂM SÀNG

1. Thời gian ủ bệnh: **không rõ**
2. Triệu chứng cơ năng: **Không có**
3. Tình huống phát hiện:



Giai Đoạn 1

Giai Đoạn 2

Giai Đoạn 3

CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA SÙI MÀO GÀ

BIỂU HIỆN LÂM SÀNG



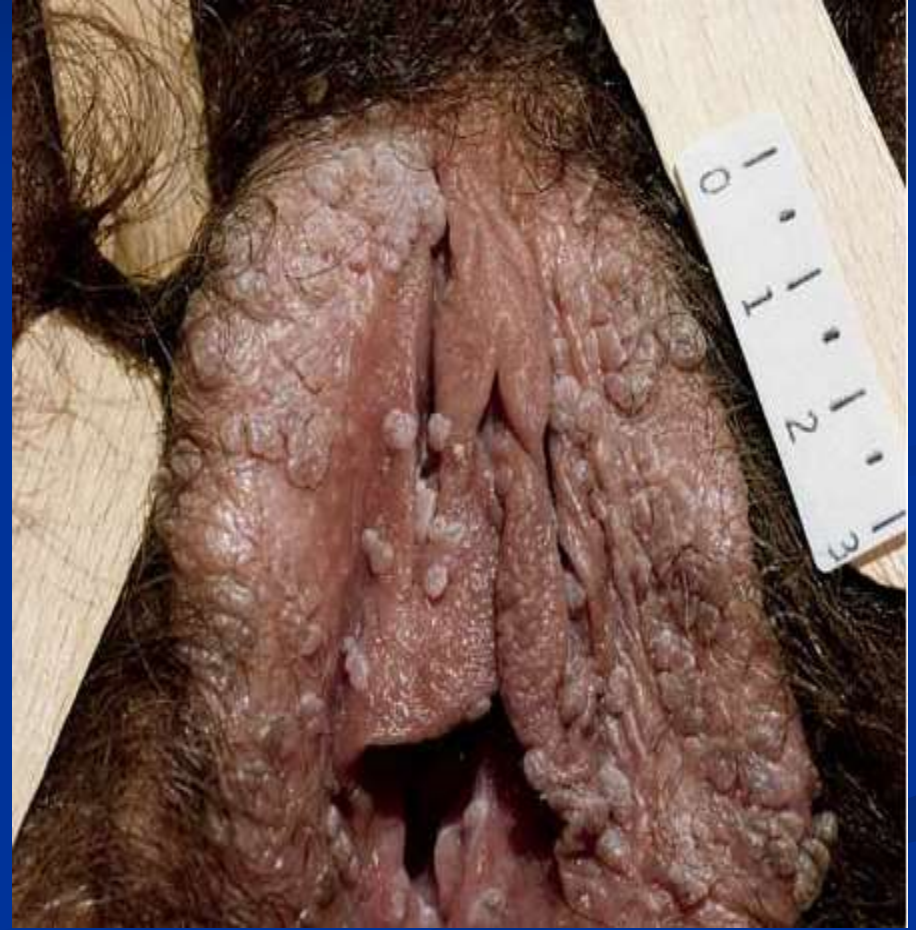








Figure 3: Condyloma acuminatum



Figure 2: Verruca vulgaris

Photo: Mayra Barrueta Meneses, DDS



CÁC CHẨN ĐOÁN SAI THƯỜNG GẶP NHẤT

Sẩn hạt ngọc



Pearly Penile Papules



Genital Warts

CARCINOMA TẾ BÀO GAI DƯƠNG VẬT



GAİ SINH DỤC



III. ĐIỀU TRỊ

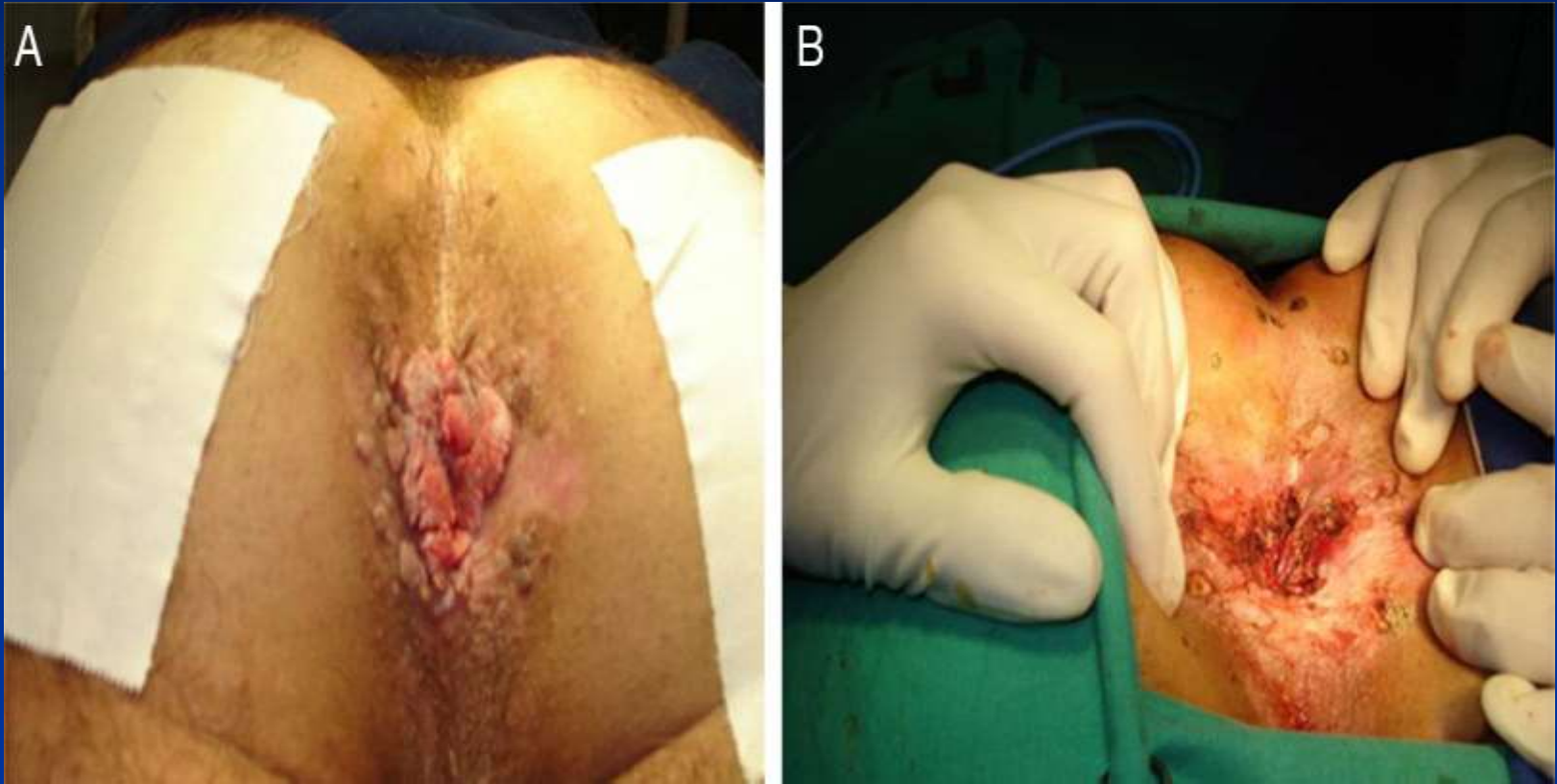
- 1. Đốt laser CO2**
- 2. Đốt điện**
- 3. Áp tuyết Ni tơ lỏng**
- 4. Phẫu thuật**
- 5. Podophylline 30%**
- 6. Acid trichloaxetic 50 – 80%**
- 7. Imiquimod**

Đốt laser CO2, đốt điện, phẫu thuật



- **Ưu điểm:** Nhanh sạch thương tổn

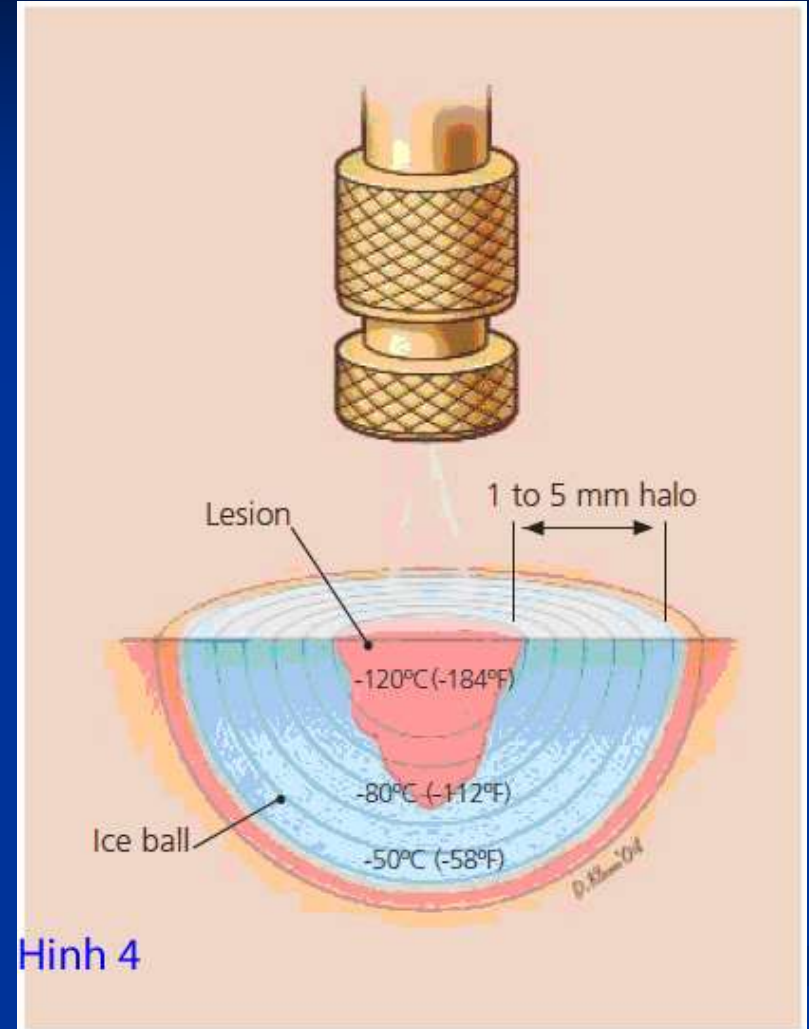
➤ **Khuyết điểm:** Loét sau đốt, tái phát cao



Tái phát / vết loét

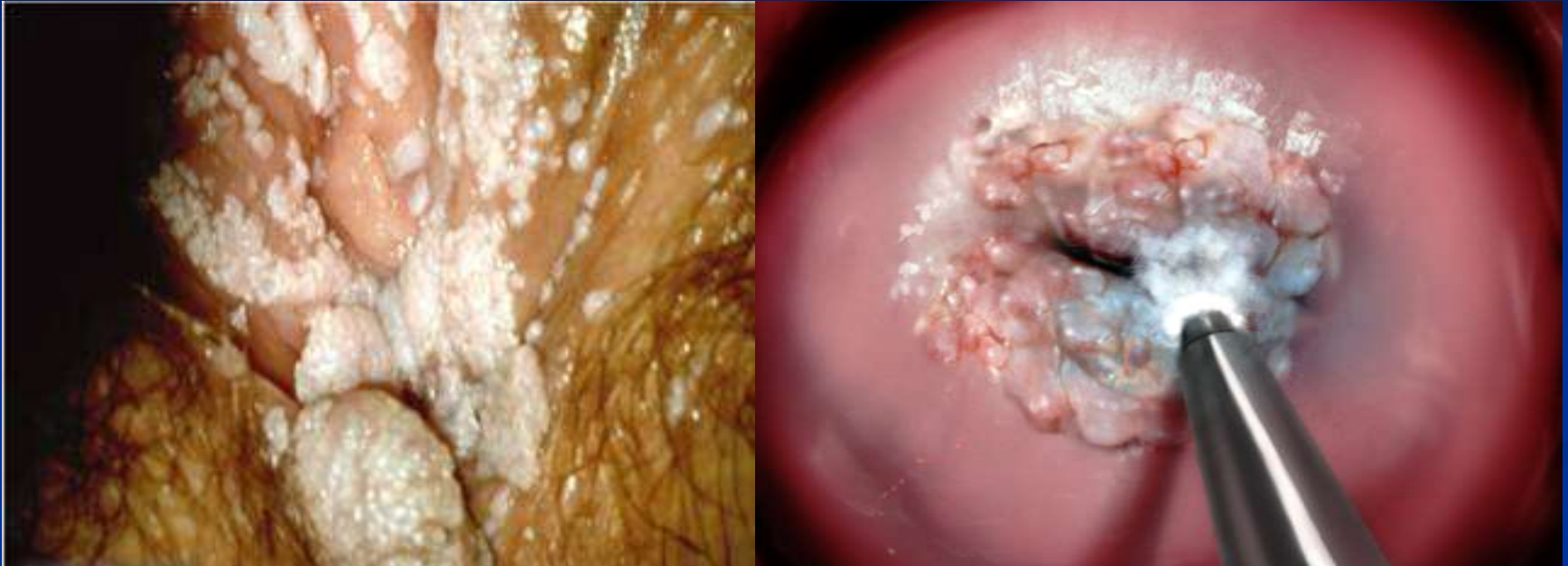


Ni tơ lỏng



Hình 4

Ni tơ lỏng



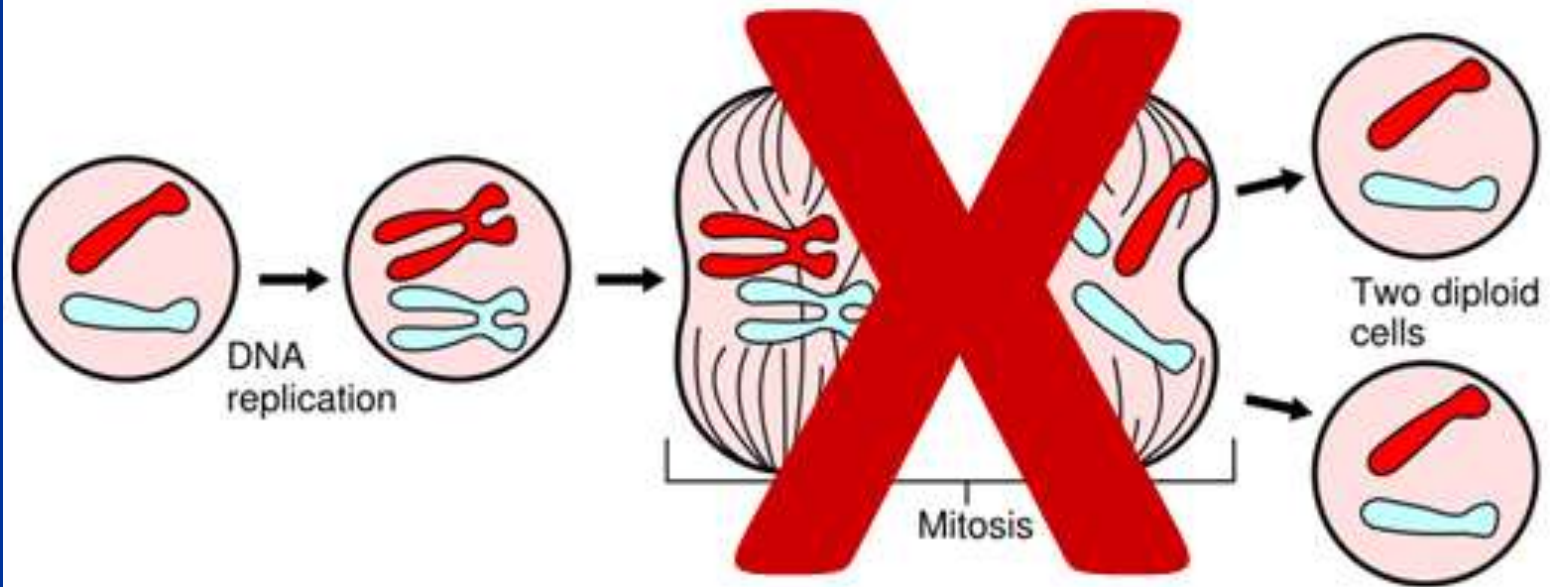
- **Ưu điểm:** Ít tổn thương, tỉ lệ tái phát thấp
- **Nhược điểm:** Phải điều trị nhiều lần

Acid trichloraxetic (AT): 50%, 80%



Podophylline 25%

Podophyllin



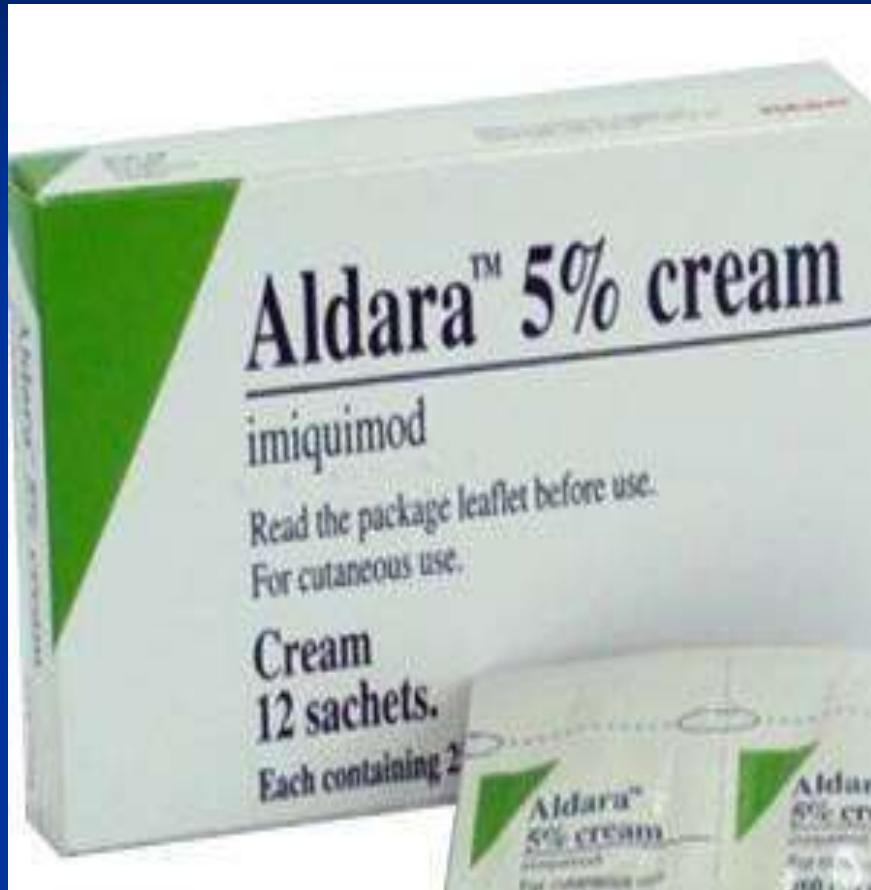
➤ **Cách dùng podophyllin:**

- 1 lần / tuần
- 4 giờ sau rửa sạch lại bằng xà bong
- Mỗi lần < 0,5 ml hoặc diện tích < 10 cm²
- Có thể lập lại nhiều lần đến khi sạch thương tổn
- Không dùng cho phụ nữ có thai

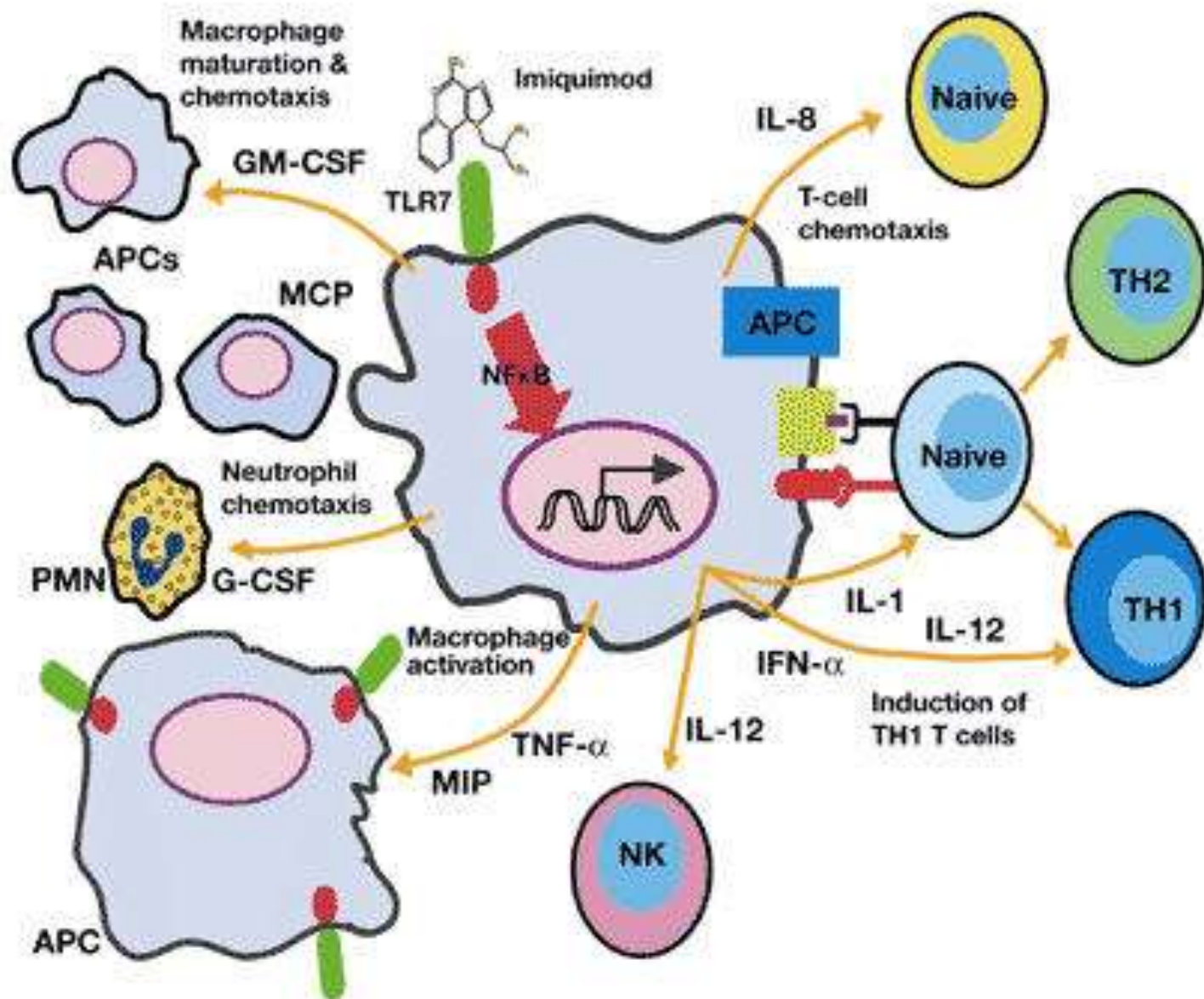
➤ **Ưu điểm:** Ít tổn thương, tỉ lệ tái phát thấp

➤ **Nhược điểm:** Phải điều trị nhiều lần

IMIQUIMOD CREAM 5%



Imiquimod-Induced Inflammation



➤ **Cách dùng imiquimod:**

- 3 lần / tuần, dùng liên tục > 16 tuần.
- Không dùng cho phụ nữ có thai

➤ **Ưu điểm:** Ít tổn thương da, tỉ lệ tái phát thấp

➤ **Nhược điểm:** Phải điều trị kéo dài, chi phí điều trị cao.



QUẢN LÝ

1. Giáo dục và tham vấn các bệnh STI khác.



2. Cấp và khuyến cáo dùng BCS.

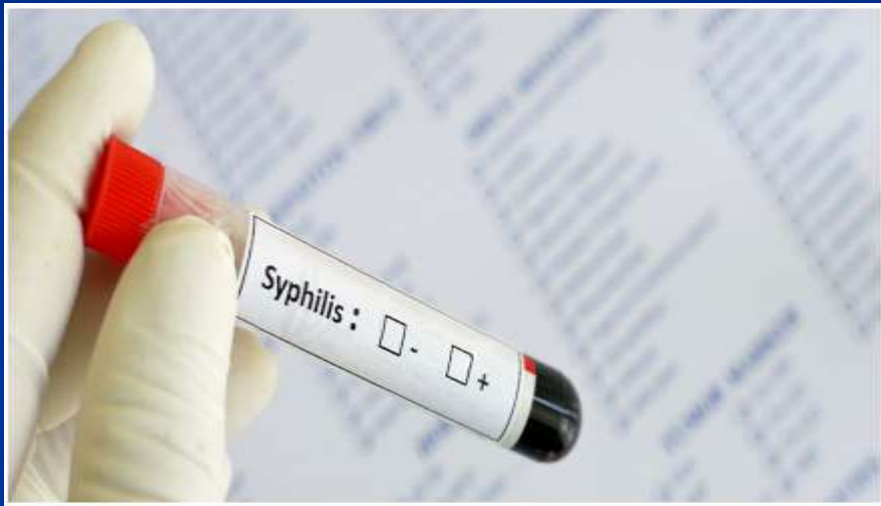


- BCS không phòng ngừa được bệnh SMG

3. Điều trị và quản lý bệnh tình.



4. Xét nghiệm HIV và Giang mai nếu có điều kiện.



KẾT LUẬN

- SMG là bệnh STI thường gặp nhất, ảnh hưởng rất lớn đến QoL, hạnh phúc gia đình
- Dễ chẩn đoán
- Điều trị đơn giản, nhưng dễ tái phát.
- BCS không ngừa được SMG
- Có thể tiêm chủng để phòng ngừa

CẢM ƠN SỰ THEO DÕI CỦA QUÝ ĐỒNG NGHIỆP